

# UNIT 16 - WEATHER

## VOCABULARY WORKSHEET • GRADE 4 • GLOBAL SUCCESS • LESSON 1

Name: ..... Class: ..... Date: .....

### WORD BANK - TỪ VỰNG

|                                                                                   |                                                                                   |                                                                                   |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| sunny                                                                             | rainy                                                                             | cloudy                                                                            | windy                                                                               |
| có nắng                                                                           | có mưa                                                                            | nhiều mây                                                                         | có gió                                                                              |
|  |  |  |  |

### A. MATCH THE WORDS - Nối từ với nghĩa

Write the correct letter next to each word. (Viết chữ cái đúng cạnh mỗi từ.)

1. sunny \_\_\_\_ 2. rainy \_\_\_\_ 3. cloudy \_\_\_\_ 4. windy \_\_\_\_

a. nhiều mây b. có gió c. có nắng d. có mưa

### B. COMPLETE THE WORDS - Hoàn thành từ

1. s \_ n n y 2. r \_ i n y 3. c l \_ u d y 4. w \_ n d y

### C. LOOK AND WRITE - Nhìn biểu tượng và viết từ

1.  \_\_\_\_\_ 2.  \_\_\_\_\_  
3.  \_\_\_\_\_ 4.  \_\_\_\_\_

### D. CHOOSE THE CORRECT WORD - Chọn từ đúng

1. The sun is shining. It's ( sunny / rainy ).  
2. There are many clouds. It's ( cloudy / windy ).  
3. The wind is blowing. It's ( windy / sunny ).  
4. It's raining. It's ( rainy / cloudy ).

### E. UNSCRAMBLE THE LETTERS - Sắp xếp chữ cái thành từ đúng

1. n u n s y → \_\_\_\_\_  
2. n a r i y → \_\_\_\_\_  
3. d u c l o y → \_\_\_\_\_  
4. d n i w y → \_\_\_\_\_

### F. SPELL AND WRITE - Viết từ theo chính tả

1. sunny \_\_\_\_\_  
2. rainy \_\_\_\_\_  
3. cloudy \_\_\_\_\_  
4. windy \_\_\_\_\_

Remember: sunny • rainy • cloudy • windy